

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 81 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
A	Nguồn chi XDCB tập trung vốn trong nước					528,048.61	256,767.42	111,104.00	111,104.00	256,767.42		
I	Điều chỉnh giảm					256,516.61	190,294.42	111,104.00	-	79,190.42		
a	Các dự án chuyển tiếp dự án hoàn thành năm 2025											
1	Mở rộng khu huấn luyện Tiểu đoàn cảnh sát cơ động Công an tỉnh	Phường Tân phong	2023-2025	1575/2.12.2022	20,000	18,094.00	2,000.00	1,906.00		94.00	Công an tỉnh	
2	Trụ sở làm việc Công an các xã: Phúc Khoa huyện Tân Uyên; Ma Quai, Phìn Hồ, Tả Phìn huyện Sìn Hồ; Bản Hòn huyện Tam Đường	Các xã	2024-2025	873/18.6.2024	20,000	5,888.00	14,960.00	14,112.00		848.00	Công an tỉnh	
3	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lai Châu	Phường Tân phong	2021-2025	1286/01.10.2021; 695/29.11.2024	190,000	-	40,000.00	40,000.00		-	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
4	Xây dựng khối phòng học tập, khối phòng hành chính, các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Mường Cang	Xã Mường Cang	2024-2025	4329/30.11.2023	4,500	4,408.00	1,424.00	16.00		1,408.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
5	Xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ (các điểm trường) Trường Mầm non xã Mường Than	Xã Mường Than	2024-2025	4330/30.11.2023	4,000	3,959.00	1,000.00	41.00		959.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
6	Nhà đa năng trường THCS Đông Phong	Phường Tân phong	2025	1253/19.11.2024	4,800	4,794.00	4,800.00	6.00		4,794.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
7	Nhà đa năng trường THCS Tân Phong	Phường Tân phong	2025-2025	1252/19.11.2024	4,800	4,785.00	4,800.00	15.00		4,785.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
8	Phụ trợ trường Tiểu học xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ	2017-2019	2799/08.10.2019	4,936	226.00	230.80	5.00		225.80	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
9	Hạ tầng đô thị, điện chiếu sáng thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2022-2024	2207/10.12.2021	20,000	19,702.00	1,500.00	298.00		1,202.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
10	Bổ sung các hạng mục trường mầm non Bum Tờ, xã Bum Tờ, huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2022-2023	2029/22.9.2022	850	843.00	37.00	7.00		30.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
11	Hạng mục phụ trợ Huyện ủy, HĐND - UBND huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2023-2025	2822/30.11.2023	1,600	1,053.00	1,100.00	47.00		1,053.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
12	Hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Pa Vệ Sủ huyện Mường Tè	Xã Bum Nưa	2023-2025	2821/30.11.2023	1,150	606.00	650.00	44.00		606.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
13	Đường đến điểm ĐCĐC Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2022-2024	1695/08.8.2022	8,340	3,740.00	840.00	600.00		240.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn CTMT
14	Xây dựng cơ sở vật chất Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông huyện Tam Đường	Xã Bình Lư	2024-2025	242/15.3.2024	43,000	21,877	14,744.00	600.00		14,144.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	
15	Đường nội đồng bản Nà Đa	Xã Bình Lư	2024-2025	3457/04.12.2023	2,400	1,897.00	1,900.00	503.00		1,397.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
16	Đường nội đồng bản Chu Lìn	Xã Tả Lèng	2024-2025	3458-04/12/2023	3,700	3,617.00	3,200.00	83.00		3,117.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
17	Đường nghĩa địa bản Phường, xã Hua Nà	Xã Than Uyên	2025	1612-27/6/2025	500	471.00	500.00	29.00		471.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
18	Đường từ trung tâm xã đến bản Phi Ёn, xã Tủa Sín Chải, huyện Sín Hồ	Xã Tủa Sín Chải	2022-2025	830a-20/4/2022	38,909	38,323.00	5,154.00	586.00		4,568.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
19	Đường nội thị thị trấn Nậm Nhùn	Xã Nậm Hàng	2022-2023	1223/26.12.21	9,300	3,221.34	3,558.34	337.00		3,221.34	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	Lồng ghép vốn thu sử dụng đất
20	Thủy lợi Nà Mi, tổ dân phố Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn	Xã Nậm Hàng	2025	2028/13.12.2024	2,900	2,812.93	2,817.94	5.00		2,812.94	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
21	Nâng cấp đường vào bản Seo Phìn, xã Nậm Cha	Xã Nậm Tăm	2024-2025	2287/29.12.2023	2,000	37.00	100.00	63.00		37.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG Giảm nghèo

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
22	Trường PTDT bán trú tiểu học Thu Lùm	Xã Thu Lùm	2022-2024	2025/22.9.2022	3,998	472.00	98.00	26.00		72.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG Giảm nghèo
b	Thực hiện các chương trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và các nhiệm vụ khác					-						
23	Nâng cấp đường trục đường từ QL32 vào xã Mường Mít, huyện Than Uyên	Xã Mường Than	2023-2025	974/13.4.2023	17,889	5,236.00	1,994.00	141.00		1,853.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG NTM
24	Lát gạch hành lang tuyến QL32 từ Trung tâm xã Mường Than đến cổng chào thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên	Xã Mường Than	2023-2025	932/07.4.2023	9,610	4,735.00	2,610.00	875.00		1,735.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG NTM
25	Nâng cấp cải tạo tuyến đường Khun Há	Xã Khun Há	2023-2025	4066/13.12.2022	10,400	2,620.68	1,844.68	87.00		1,757.68	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép MTQG NTM
26	Đầu tư Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện	Xã Bình Lư	2023-2025	4083/13.12.2022	13,000	2,706.66	1,031.66	8.00		1,023.66	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
c	Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030					-						
27	Đường giao thông vùng cây gỗ lớn các xã Mường Mít, Ta Gia huyện Than Uyên	Các xã: Khoen On, Mường Than	2023-2024	1760/04.8.2022	2,325	2,170.00	756.00	155.00		601.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
28	Đường giao thông vùng cây gỗ lớn các xã Nậm Hăn, Nậm Cuối, Cấn Co	Các xã: Nậm Cuối, Nậm Mạ	2023-2025	2576/25.11.2022	3,875	3,815.00	1,100.00	60.00		1,040.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
29	Đường giao thông vùng quế, cây gỗ lớn xã Nậm Manh	Xã Nậm Hàng	2023-2025	2425/01.12.2022	3,100	3,079.00	1,007.00	21.00		986.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
d	Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung					-						
30	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	2023-2025	677/17.6.2022	12,400	12,202.00	4,030.00	198.00		3,832.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
31	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Pắc Ta	Xã Pắc Ta	2023-2025	678/17.6.2022	7,750	7,578.00	1,927.00	172.00		1,755.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
32	Đường giao thông vùng liên kết sản xuất tập trung huyện Phong Thổ	Các xã: Không Lào, Phong Thổ,	2023-2025	3162/30.11.2022	17050	16,631.00	5,441.00	419.00		5,022.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
33	Đường giao thông vùng cây ăn quả huyện Sin Hồ	Xã Nậm Tăm	2023-2024	2575/25.11.2022	9,300	8,946.00	2,944.00	354.00		2,590.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	
34	Bổ sung ngân sách UBND xã Bình Lư (mới)	Xã Bình Lư				-	300.00	300.00		-	UBND xã Bình Lư	
35	Bổ sung ngân sách huyện Tam Đường để đầu tư xây dựng nông thôn mới					35,061.00	9,895.00	9,895.00		-		
e	Đối ứng dự án ODA											
36	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai	Các xã		2379/29.12.2023	530,033	10,910.00	50,000.00	39,090.00		10,910.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
II	Điều chỉnh tăng				940,301.00	271,532.00	66,473.00	-	111,104.00	177,577.00		
II.1	Bổ trí cho các dự án hoàn thành đã có QĐ phê duyệt quyết toán				361,646	47,746.00	-	-	3,118.00	3,118.00		
1	Trung tâm hội nghị Văn hóa huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Hàng	2021-2024	933/21.7.2021	50,000	68.00			68.00	68.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	QT
2	Điểm sắp xếp dân cư vùng có nguy cơ sảy ra thiên tai xã bản Lang huyện Phong Thổ	Xã Không Lào	2022-2024	1693/29.10.2023	17,000	326.00			326.00	326.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp và PTNT	QT
3	Nâng cấp đường giao thông nông thôn trung tâm xã Thu Lũm đến điểm TĐC bản Thu Lũm 2 (đến hòn đá trắng) xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	Xã Thu Lũm	2017-2018	579a/14.6.2017	4,500	46.00			46.00	46.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Giao thông	QT
4	Đường giao thông đến bản Sín Chải C xã Pa Vệ Sủ huyện Mường Tè	Xã Bum Nưa	2018-2020	1320/29.10.2018	13,390	49.00			49.00	49.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Giao thông	QT
5	Mặt đường, thoát nước đường giao thông đến điểm ĐCĐC Xé Ma xã Tà Tổng huyện Mường Tè	Xã Tà Tổng	2018-2020	1321/29.10.2018	14,900	26.00			26.00	26.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Giao thông	QT
6	Trường THCS Quyết Tiến	Phường Đoàn kết	2018-2021	1299/27.10.2017; 980/29.7.2021	22,000	272.00			272.00	272.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	QT

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
7	Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn (Giai đoạn II)	Xã Nậm Hàng	2022-2025	1593/ 30.11.2021	65,000	140.00			140.00	140.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Dân dụng và Công nghiệp	QT
8	Đường nội thị từ nhà khách UBND huyện Sìn Hồ đến ngã tư suối Hai	Xã Sìn Hồ	2011-2012	1386/29.10.2010	20,670	106.00			106.00	106.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Giao thông	
9	Hồ thủy lợi cò lá huyện Tam Đường (giai đoạn II)	Xã Bình Lư	2020-2022	1414/31.10.2019	30,000	22,919.00			419.00	419.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp và PTNT	QT
10	Thủy lợi Cù Thàng xã Tà Mung huyện Than Uyên	Xã Mường Kim	2022-2024	1640/07.12.2021	26,000				132.00	132.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp và PTNT	QT
11	Đường ra biên giới đoạn từ bản Phô I - bản Nậm Tẩn Mông - Mốc 56, huyện Sìn Hồ	Xã Pa Tẩn	2021-2024	991/30.10.2010	44,186				1,465.00	1,465.00	Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng	QT
12	Đường Ngải Chồ - Nậm Pê - Nậm Chăng huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Tẩn	2013-2021	1003/18.9.2013	54,000	23,794.00			69.00	69.00	Ban QLDA ĐTXD các CT Giao thông	QT
II.2	Các dự án đang thực hiện				173,400.00	162,267.00	52,469.00	-	68,896.00	121,365.00		
1	Nâng cấp mở rộng trường chính trị tỉnh Lai Châu	Phường Tân phong	2024-2025	229/13.3.2024; 2702/24.10.2025	42,400	42,400.00	16,095.00		10,000.00	26,095.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên sân vận động huyện Than Uyên	Xã Than Uyên	2025-2026	3051/25.11.2024	6,000	5,500.00	3,000.00		2,500.00	5,500.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Nâng cấp trường tiểu học thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2024-2025	577/20.02.2024	7,500	6,740.00	4,414.00		1,175.00	5,589.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép nguồn tăng thu
4	Hạ tầng kỹ thuật khối cơ quan, khu dân cư, khu công cộng thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Xã Bum Tờ	2024-2026	2069/14.11.2023	50,000	48,827.00	15,000.00		18,000.00	33,000.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL32 vào Huyện uỷ và UBND huyện Than Uyên	Xã Than Uyên	2025	3052/25.11.2024	1,500	1,500.00	1,000.00		500.00	1,500.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Chí Thanh đi UBND xã Hua Nà	Xã Than Uyên	2025-2026	3054/25.11.2024	6,000	6,000.00	3,000.00		3,000.00	6,000.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
7	Kè chống sạt lở + cầu điểm sắp xếp dân cư bản Mù Su, xã Mù Cà, huyện Mường Tè	Xã Mù Cà	2024-2026	2570/30.10.2023	7,000	7,000.00	4,000.00		2,000.00	6,000.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	
8	Trường MN xã Thân Thuộc - Điểm trung tâm	Xã Tân Uyên	2024-2025	4967/29.12.2023	7,500	7,500.00	278.00		5,350.00	5,628.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn thu sử dụng đất
9	Trường THCS xã Nậm Cắn	Xã Tân Uyên	2024-2025	4968/29.12.2023	7,500	7,500.00	278.00		5,321.00	5,599.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép vốn thu sử dụng đất
10	Nâng cấp đường Hua Cắn - Hua Tra Nội xã Nậm Cắn huyện Tân Uyên	Xã Tân Uyên	2024-2025	4970/29.12.2023	14,500	14,500.00	4,404.00		7,250.00	11,654.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông	Lồng ghép vốn thu sử dụng đất
11	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT TH Mù Sang, xã Mù Sang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Xã Dào San	2024-2025	790/02.5.2024	9,000	4,800.00	1,000.00		3,800.00	4,800.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	Lồng ghép tăng thu tiết kiệm chi cấp huyện
12	Cấp nước sinh hoạt cụm xã Pắc Ta, Hố Mít	Xã Pắc Ta	2023-2025	207/28.02.2023; 1015/30.5.2024; 2057/02.10.2024	14,500	10,000.00			10,000.00	10,000.00	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Lồng ghép vốn thu sử dụng đất
II.3	Đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia				405,255	61,519.00	14,004.00	-	39,090.00	53,094.00		
a	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				4,050	1,850.00	-	-	750.00	750.00		
*	Cấp tính thực hiện				4,050	1,850.00	-	-	750.00	750.00		
1	Nhà thư viện huyện Than Uyên	Xã Than Uyên	2024-2025	3928.17.11.2023; 2703/24.10.2025	4,050	1,850.00	-		750.00	750.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
b	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				126,000	22,744.00	-		22,744.00	22,744.00		
	Dự án 1				126,000	22,744.00	-		22,744.00	22,744.00		
	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025				126,000	22,744.00	-		22,744.00	22,744.00		
	Cấp tính thực hiện				126,000	22,744.00	-		22,744.00	22,744.00		

STT	Danh mục	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch năm 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số Quyết định (ngày tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
1	Đường giao thông bản Mả Nghé xã Bản Lang - bản Hô Seo Chải xã Không Lào - Lèng Seo Chín xã Hoang Thèn	Xã Không Lào	2023-2025	773.15.5.2023	40,000	12,000.00	-		12,000.00	12,000.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
2	Đường giao thông bản Can Hồ xã Sin Suối Hồ - bản Po Trà - bản Hoàng Liên Sơn 2 xã Nậm Xe	Xã Sin Suối Hồ	2023-2025	774.15.5.2023	63,000	10,000.00	-		10,000.00	10,000.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	
3	Đường giao thông liên bản Hoang Thèn, xã Hoang Thèn - bản Tả Phìn, xã Ma Li Pho	Các xã: Không Lào, Phong Thổ	2023-2024	775.15.5.2023	23,000	744.00	-		744.00	744.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	QT
c	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				275,205	36,925.00	14,004.00		15,596.00	29,600.00		
	Dự án 2				37,244	6,509.00	1,904.00		4,605.00	6,509.00		
	Cấp tỉnh thực hiện				37,244	6,509.00	1,904.00		4,605.00	6,509.00		
1	Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải, xã Sùng Phài, TP Lai Châu	Phường Đoàn Kết	2022-2025	1405.22.7.2022; 872.04.7.2024; 1250.19.11.2024	9,321	1,203.00	-		1,203.00	1,203.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Sắp xếp di chuyển dân cư tập trung ra khỏi vùng nguy cơ thiên tai bản Ngam Ca xã Nậm Sỏ	Xã Nậm Sỏ	2022-2025	1326/05.8.22 1731/22.8.24 2725/29.11.24	13,023	1,887.00	-		1,887.00	1,887.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
3	Sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư bản Huổi Pha xã Nậm Hăn	Xã Nậm Cuối	2022-2025	1795.5.8.2022; 2699/24.10.2025	14,900	3,419.00	1,904.00		1,515.00	3,419.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
	Tiểu dự án 1, dự án 4				27,000	14,791.07	7,600.00		5,191.07	12,791.07		
*	Cấp tỉnh thực hiện				27,000	14,791.07	7,600.00		5,191.07	12,791.07		
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông đến trung tâm xã Tung Qua Lìn	Xã Đào San	2023-2025	3370/17.11.2023; 2700/24.10.2025	6,500	1,000.00	-		1,000.00	1,000.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
2	Đường giao thông từ bản Pa Thẳng đi A Chè, xã Thu Lùm, huyện Mường Tè	Xã Thu Lùm	2023-2025	397/29.3.2023; 2693.19.8.2024	20,500	13,791.07	7,600.00		4,191.07	11,791.07	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	
	Tiểu dự án 1, dự án 5				204,300	13,759.93	4,500.00		3,934.93	8,434.93		
*	Cấp tỉnh thực hiện				204,300	13,759.93	4,500.00		3,934.93	8,434.93		
1	Trường PTDT nội trú huyện Tam Đường	Xã Bình Lư	2022-2024	1127.24.8.2022	44,800	3,426.64	1,500.00		526.64	2,026.64	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	QT
2	Trường THCS xã Hố Mít	Xã Pắc Ta	2022-2024	1133.24.8.2022	8,500	542.00	-		362.00	362.00	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	QT

[illegible]